

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 101/2017/HSPT

Ngày : 20/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân

2. Ông Nguyễn Hoàng Lan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử công khai phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 87/2017/HSPT ngày 25/8/2017, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Thị B (tên gọi khác R), sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã T, huyện TH, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1952 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1953; Chồng: Trần Minh P1, sinh năm 1983 và 01 người con sinh năm 2003; Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 15/9/2015, bị cáo bị Công an xã T xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc trái phép, bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo được tại ngoại, đến nay có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh P, người đại diện theo pháp luật của P là ông Trần Minh P1 không có kháng cáo, kháng nghị không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TH và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TH thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị B là con dâu của bà Nguyễn Thị N, có con trai ruột là Trần Minh P, sinh ngày 01/3/2003, P không ở chung với B mà thường xuyên sinh sống chung với bà nội là bà N. Do P thường ngủ chung với bà N nên P biết bà N cất giữ vàng trên giường ngủ trong buồng.

Vào ngày 11/12/2015, Trần Minh P đi về nhà chơi, thấy mẹ ruột là Nguyễn Thị B không có tiền tiêu xài nên P nảy sinh ý định lấy trộm vàng của bà N đem về đưa cho B. Lợi dụng lúc bà N không có nhà, P đi vào buồng ngủ nhà bà N, mở túi nilon ra xem và thấy bên trong có đựng một sợi dây chuyền bằng vàng 18kara trọng lượng 02 chỉ, một sợi dây chuyền bằng vàng 24kara trọng lượng 4,5 chỉ. P cầm hai sợi dây chuyền bằng vàng mang về nhà đưa cho bị cáo B và nói: “lấy vàng đi”. B hỏi P: “vàng ở đâu vậy?”, P nói: “lấy của bà nội”. Sau đó, B lấy dây hai chuyền bằng vàng của P đưa, bỏ vào túi nilon màu đen đem đi cất giấu dưới giường. Khoảng một tuần sau, do bị cáo sợ chồng là ông Trần Minh Phụng phát hiện nên mang vàng ra lộ nông thôn (đường giao thông nông thôn) phía sau nhà đào lỗ chôn xuống đất. Sau đó, B cùng ông P1 đi chở lúa thuê. Khoảng một tháng sau, B về nhà thì phát hiện lộ nông thôn bị san lấp, B đi đến nơi chôn cất vàng để tìm lại số vàng đã cất giấu nhưng không tìm thấy.

Ngày 27/3/2016, Khi P về nhà chơi, bị cáo B nói với P: “sang nhà bà nội lấy vàng về cho mẹ”, P đồng ý. P đi về nhà bà N, thấy không có bà N ở nhà nên P tìm kiếm xung quanh nhà để lấy vàng. Lúc này, P phát hiện trong túi áo khoác của bà N có 02 chiếc nhẫn bằng vàng 24kara, trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24kara, trọng lượng 01 chỉ nên P lấy 03 chiếc nhẫn đem về nhà đưa cho B. Sau khi B nhận lấy vàng của P đưa thì dặn P “đừng có nói cho ai biết”. Sau đó, B đem 03 chiếc nhẫn bằng vàng cất giấu trong nhà. Hai ngày sau, B đi đến tiệm vàng H do bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955, Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Long An làm chủ sở hữu để bán vàng. Khi đến tiệm vàng H, B lấy 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24kara, trọng lượng 01 chỉ, bán cho con gái của bà Đ tên Ngô Thị Lan C với giá khoảng 10 triệu đồng. Số tiền bán vàng được B dùng để góp hụi và tiêu xài cá nhân hết. Khoảng một tháng sau, B tiếp tục mang chiếc nhẫn bằng vàng 24kara còn lại có trọng lượng 02 chỉ đi đến tiệm vàng Hai Đầu bán tiếp với số tiền hơn 06 triệu đồng, B tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26/5/2016, P về nhà chơi, do không có tiền tiêu xài nên B tiếp tục bảo P: “coi nội còn vàng không, lấy về cho mẹ”. P nói: “để con lục tìm”. Khoảng 17 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc bà N đang ăn cơm ở nhà bếp, P lén lút đi vào trong buồng nhà bà N tìm kiếm vàng. Trong lúc tìm kiếm, P phát hiện trong thùng xốp có một cái hộp giấy nên cầm lên lắc, P nghe bên trong có tiếng động, P mở nắp hộp ra xem thì thấy bên trong có ba chiếc hộp đựng vàng màu đỏ chứa nhiều nhẫn bằng kim loại vàng. Lúc này, P lấy một chiếc nhẫn bằng vàng 24kara, trọng lượng 02 chỉ trong một hộp đang cầm trên tay, rồi sắp xếp các hộp

đựng vàng lại vị trí cũ. Sau khi lấy trộm vàng xong, P thấy trên giường có một túi nilon nên mở ra xem thì phát hiện bên trong có nhiều tiền, P liền lấy 300.000 đồng bỏ vào túi quần và quay trở về nhà. Khi về đến nhà, P cầm chiếc nhẫn bằng vàng đưa cho B cất giấu, riêng tiền mặt 300.000 đồng thì P không đưa cho B mà giữ lại tiêu xài. Khoảng ba ngày sau, B đi đến tiệm vàng Hai Đẩu bán chiếc nhẫn bằng vàng 24kara trọng lượng 02 chỉ được số tiền là 6.400.000 đồng, B tiêu xài cá nhân hết. Hồ sơ thể hiện từ bút lục số 55 đến 161.

Theo bản kết luận định giá tài sản, số: 997/KL.PTCKH ngày 17/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện TH kết luận: Dây chuyền 24K trọng lượng 4,5 chỉ tại thời điểm ngày 09/12/2015, giá: 13.725.000 đồng; dây chuyền 18K trọng lượng 02 chỉ tại thời điểm ngày 09/12/2015, giá: 4.270.000 đồng; nhẫn vàng 24K trọng lượng 03 chỉ tại thời điểm ngày 27/3/2016, giá: 9.873.000 đồng; nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ tại thời điểm ngày 25/5/2016, giá: 6.638.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 34.506.000 đồng. Ngoài ra theo lời khai của Nguyễn Thị B, ngày 27/3/2016 P lấy trộm của bà N 02 chỉ vàng 24 kara đưa cho B. Trị giá 02 chỉ vàng 24 kara tại thời điểm ngày 27/3/2016 có giá trị là 6.582.000 đồng. Hồ sơ thể hiện tại bút lục số 24.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 250, Các điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 06 (sáu) tháng tù về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; các điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; các điểm g, n Điều 48, Điều 33; Điều 45 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đối với hai tội danh “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” và “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, trách nhiệm thi hành án đối với những người tham gia tố tụng

Ngày 26/7/2017, bị cáo Nguyễn Thị B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị B thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo xác định bị Tòa sơ thẩm xét xử về tội “Chứa chấp tài sản cho người khác phạm tội mà có” và “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 250 và Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan. Xuất phát từ việc gia đình chồng và chồng xử sự

không tốt nên khi thấy P lấy trộm vàng của bà N, bị cáo đã lấy và cất giấu đồng thời xúi giục P tiếp tục lấy trộm vàng của cho hả cơn tức. Bị cáo nhận thấy việc làm sai pháp luật, bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Chứa chấp tài sản cho người khác phạm tội mà có” và “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông ngoại là người có công với cách mạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Chứa chấp tài sản cho người khác phạm tội mà có” và “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 250 và Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo B 01 năm 06 tháng tù là phù hợp, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo các điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo kháng cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, có ông ngoại là liệt sĩ được quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, giữ nguyên mức hình phạt đối với tội “Chứa chấp tài sản cho người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Pc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Về hình thức: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị B thực hiện đúng quy định tại Điều 231, 233 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục Pc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị B thấy rằng:

Vào ngày 11/12/2015, Trần Minh P trộm cắp của bà Nguyễn Thị N 02 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng có giá trị là 17.995.000 đồng đưa B, B biết rõ đây là tài sản do P trộm cắp có được nhưng vẫn nhận và cất giấu. Trong các ngày 27/3/2016 và 26/5/2016, B đã hai lần xúi giục P lấy trộm của bà Nguyễn Thị N 05 chỉ vàng 24 Kara có giá trị là 16.455.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 Kara có giá trị là 6.638.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chứa chấp tài sản do người chưa thành niên trộm cắp có được đồng thời xúi giục người chưa thành niên thực hiện hành vi trộm cắp để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Tòa cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan và xử mức án 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 06 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp, đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị

cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường tài sản lại cho người bị hại, người bị hại có đơn bãi nại, bị cáo nhân thân tốt chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 BLHS.

Tại tòa Phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt có bổ sung tình tiết hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận chính quyền địa phương, có ông ngoại là liệt sĩ là các tình tiết chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị B, giảm một phần hình phạt cho bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị B; cải sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 250, điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B **06 (sáu) tháng** tù về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; các điểm g, n Khoản 1 Điều 48, Điều 33; Điều 45 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B **09 (chín) tháng** tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Thị B phải chấp hành chung cho cả hai tội là **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các khoản khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC(1)
- VKSNDCC (1);
- VKSLA (1);
- Sở Tư pháp (1)
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện(1);
- CA huyện(1);
- THADS huyện(1);
- Bị cáo (1);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Hùng Cường